

Bản án số: 65/2024/DS – ST

Ngày: 11 - 9 -2024

"*V/v: Tranh chấp hợp đồng gia công*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Hòa và bà Trần Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tường Vi– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Tâm– Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 và ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng gia công*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa:

-*Nguyên đơn:* Ông Lữ Văn H; sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

-*Bị đơn:* Bà Hoàng Thị S; sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trương Văn M, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn ông Lữ Văn H trình bày:*

Tháng 9 năm 2022, ông với bà S có thỏa thuận về việc bà S đặt ông làm cửa sắt gồm: 01 bộ cửa chính rộng 2,75m x 2,95m (lọt lồng) tính cả khung bao 2,89m x 2,98m. 02 bộ cửa phòng ngủ mỗi bộ rộng 81cm x 2,55m (lọt lồng) tính cả khung bao là 95cm x 2,58m. 01 cửa sau rộng 86cm x 2,35m (lọt lồng), tính cả khung bao 91cm x 2,38m. 02 bộ cửa sổ mỗi bộ rộng 1,08m x 1,47m (lọt lồng), tính cả khung bao 1,14m x 1,53m. 03 bộ cửa sổ mỗi bộ rộng 1,26m x 1,47m (lọt lồng), tính cả khung bao 1,32m x 1,53m. Ông với bà S thỏa thuận giá tiền 1.700.000đ/01m² x tổng 25,2m² = 42.800.000đ (bốn mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng). Bà S đã ứng trước cho ông được số tiền 15.000.000đ, còn nợ lại ông số tiền 27.800.000đ (hai mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng). Ông đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà S nại ra nhiều lý do đến nay không trả tiền cho ông. Hiện nay ông yêu cầu bà S phải trả ông số tiền 27.800.000đ.

- *Bị đơn bà Hoàng Thị S trình bày:* Bà có quen biết ông Lữ Văn H là người cùng xã, ông H làm nghề cửa sắt, bà không mâu thuẫn gì với ông H. Vào năm 2022 bà xây nhà, trong quá trình xây nhà thì bà có gặp ông H để hợp đồng làm cửa sắt nhà cho bà. Lúc hai bên trao đổi thống nhất là bà đặt: 01 bộ khung chính, 02 bộ khung cửa phòng ngủ, 01 bộ cửa sau và 05 bộ cửa sổ (bà đặt 02 bộ cửa sổ trước, sau đó chồng bà ông M đặt thêm 03 bộ cửa sổ). Bà đặt đồng giá 1.700.000đ/m², cửa có khung bao. Bà đã trả ông H tổng số tiền 15.000.000đ, khi nào hoàn thiện khung cửa tính tiền. Đến thời gian lắp cửa thì ông H giao cho bà đủ số lượng bà đặt, tuy nhiên 05 bộ cửa sổ không có khung bao theo như thỏa thuận ban đầu. Bà có trao đổi với ông H thì ông H nói là "bây giờ nếu mà chịu 1.700.000đ/m² thì đo để tính toán phần không có khung bao, còn không vẫn tính đủ 1.700.000đ/m² có khung bao", bà nói là không đồng ý. 05 bộ cửa sổ ông H lắp cho bà không đồng ý cái khung bao ông H làm vì theo bà cái đó không phải khung bao. Theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu bà trả 27.800.000đ thì bà không đồng ý. Lý do: Các cửa khác bà chịu giá 1.700.000đ/m², còn 05 bộ cửa sổ bà không đồng ý giá đó vì không có khung bao như thỏa thuận ban đầu, bà nói ông H giảm giá xuống 1.400.000đ/m² thì bà đồng ý trả tiền và phải lắp lại kính cửa sổ cho bà vì ông H kính dỏm vài ngày sau đã bể.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn M trình bày:* Ông là chồng bà Hoàng Thị S. Vào tháng 9 năm 2022 vợ chồng ông bà xây nhà có thỏa thuận ông H làm cửa sắt cho ông bà. Ông đồng ý với toàn bộ ý kiến của bà S.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông M bà S phải trả ông H số tiền 27.800.000đ.

Bị đơn bà S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M trình bày: Đối với 01 bộ cửa chính, 02 bộ cửa phòng ngủ, 01 cửa sau thì ông bà đồng ý ông H thực hiện đúng như hợp đồng hai bên thỏa thuận. Về kích thước, số lượng tất cả các cửa ông H làm là đúng như hợp đồng giữa hai bên. Ông bà không đồng ý về việc ông H làm 05 bộ cửa sổ cho ông bà không có khung bao và kính đã bị nứt, ông H làm khung bao và kính không đúng như hợp đồng với ông bà, ông bà yêu cầu ông

H làm 05 bộ cửa sổ phải là khung bao chữ C, kính cửa sổ phải là kính cường lực. Hiện nay, ông bà yêu cầu ông H phải thay kính 05 bộ cửa sổ cho ông bà là kính cường lực thì ông bà mới trả tiền cho ông H.

Nguyên đơn ông H trình bày: Ông làm cửa sắt đã hơn mười mấy năm nhưng đây là trường hợp đầu tiên ông gặp phải, ông đã làm cho nhiều nhà, ngay sau khi hoàn thành công việc thì họ đã thanh toán sòng phẳng hết tiền cho ông. Đối với 05 bộ cửa sổ làm cho bà S ông M đã thỏa thuận thống nhất là làm kiểu cửa lùa thì ông có làm khung bao theo kiểu cửa lùa chứ không thể làm khung bao chữ C giống cửa chính như ông M nói là không làm được, mặt khác tại thời điểm làm cửa cho nhà ông M bà S giá thị trường lúc đó là 2.000.000đ đến 2.200.000đ/m² nhưng ông thấy ông bà S khó khăn nên ông chỉ lấy công làm lời với giá 1.700.000đ/m², các nguyên vật liệu ông cũng phải đi mua chứ không phải tự có sẵn, ông đã thực hiện xong công việc của ông lắp xong tất cả các cửa cho ông bà S, ông đòi tiền thì ông M bà S nói để ông bà làm tân gia xong sẽ trả tiền cho ông nhưng sau đó ông bà S làm tân gia nhà mới có mời ông, ông cũng có gửi thiệp mừng tân gia cho ông bà S, sau khi ông M bà S tân gia nhà xong ông đòi tiền nhiều lần nhưng ông M bà S không trả, ông M bà S nói kính cửa sổ ông gắn bị nứt nên không trả tiền cho ông. Tại Tòa án thì ông M lại nói với ông khi nào vợ chồng ông bà bán được nhà yêu cầu tôi xuống thay kính cửa sổ xong thì ông bà mới trả tiền. Cho thấy ông M bà S cố ý chây ì không chịu trả tiền cho ông. Hiện nay ông M bà S yêu cầu thay kính cường lực 05 bộ cửa sổ thì thôi sự việc cũng đã xảy ra rồi và đây cũng là lần đầu tiên ông gặp phải trường hợp này, ông cũng muốn thu hồi tiền mua nguyên vật liệu nên ông cũng chấp nhận thay kính cường lực 05 bộ cửa sổ cho ông M bà S, chi phí mua nguyên liệu thay kính cường lực này hết khoảng 4.000.000đ và ông đồng ý bớt 1.000.000đ tổng cộng mất 5.000.000đ nhưng ông cũng chấp nhận nhưng ngay sau khi ông thay kính 05 bộ cửa sổ xong thì ông M bà S phải trả ông số tiền còn lại 27.800.000đ cho ông.

Bị đơn bà S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M trình bày: Ông bà không có tiền trả ông H một lần số tiền 27.800.000đ, ông bà yêu cầu mỗi tháng ông bà trả ông H số tiền 2.000.000đ nhưng ông H phải thay kính cường lực 05 bộ cửa sổ cho ông bà và chỉ tính 1.600.000đ/m² cửa sổ tức là bớt 1.000.000đ. Nếu ông H không đồng ý thì đề nghị ông H tháo hết cửa mang về và trả lại ông bà số tiền đã ứng 15.000.000đ.

Nguyên đơn ông H trình bày: Ông không đồng ý với việc ông bà S trả mỗi tháng 2.000.000đ. Ông bà S cố tình chây ì không trả tiền cho ông thì ông xin hội đồng xét xử cho ông được tháo cửa mang về, tuy nhiên đối với các khung bao đã gắn vào tường nhà ông bà S ông không thể đục tường nhà ra được, ông chỉ có thể cưa các khung sắt mang về và xác định chỉ có thể bán ve chai sắt vụn, còn việc ông bà S đòi lại số tiền đã tạm ứng cho ông thì ông không trả lại vì công thợ đã làm, hợp đồng đã thực hiện xong và tất cả các khung sắt đã gắn cố định trong tường nhà bà S.

Bị đơn bà S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M trình bày: Nếu ông H không trả lại ông bà số tiền 15.000.000đ thì ông H không thể đến nhà ông bà tháo cửa nhà ông bà.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- *Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:* Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M phải liên đới trả ông H số tiền 27.800.000đ. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lữ Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Hoàng Thị S, ông Phạm Văn Minh có nơi cư trú tại thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước phải liên đới trả số tiền ông H làm cửa sắt cho vợ chồng bà S là 27.800.000đ. Tòa án xác định đây quan hệ pháp luật vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 542 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn bà S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M phải liên đới thanh toán trả số tiền ông H đã làm cửa sắt cho vợ chồng bà S ông M là 27.800.000đ:

Ông Lữ Văn H làm nghề cửa sắt tại thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vào tháng 9 năm 2022, bà Hoàng Thị S có hợp đồng với ông H về việc bà S đặt ông H làm cửa sắt gồm: 01 bộ cửa chính rộng 2,75m x 2,95m (lọt lồng) tính cả khung bao 2,89m x 2,98m. 02 bộ cửa phòng ngủ mỗi bộ rộng 81cm x 2,55m (lọt lồng) tính cả khung bao là 95cm x 2,58m. 01 cửa sau rộng 86cm x 2,35m (lọt lồng), tính cả khung bao 91cm x 2,38m. 02 bộ cửa sổ mỗi bộ rộng 1,08m x 1,47m (lọt lồng), tính cả khung bao 1,14m x 1,53m (bà S đặt ông H làm). 03 bộ cửa sổ mỗi bộ rộng 1,26m x 1,47m (lọt lồng), tính cả khung bao 1,32m x 1,53m (đối với 03 bộ cửa sổ sau này là ông M đặt ông H). Ông với bà S thỏa thuận giá tiền 1.700.000đ/01m² x tổng 25,2m² = 42.800.000đ (bốn mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng). Ngay sau khi thỏa thuận hợp đồng bà S đã đặt cọc trước cho ông H số tiền 5.000.000đ.

Thực hiện thỏa thuận, ông H đã làm và lắp đặt xong các cửa sắt, hoàn thành công việc mà hai bên đã thỏa thuận, sau khi ông H thực hiện hoàn thành công việc

lắp đặt xong cửa cho ông M bà S, tại phiên tòa ông M bà S cũng thừa nhận ông H đã làm xong tất cả cửa sắt về số lượng, kích thước như hợp đồng hai bên thỏa thuận, ngay khi ông H làm lắp xong cửa thì bà S cũng đã trả thêm cho ông H được số tiền 10.000.000đ, như vậy tổng cộng tính cả tiền cọc thì bà S đã trả ông H được số tiền 15.000.000đ, số tiền còn nợ lại 27.800.000đ ông M bà S hẹn sau khi tân gia nhà xong trả tiền cho ông H. Thực tế ông M bà S thừa nhận ông bà đã làm đã tân gia nhà xong vào tháng 12 (âm lịch) năm 2022 tức tháng 01 dương lịch năm 2023 nhưng ông M bà S cũng không trả tiền cho ông H, mặc dù ông H đòi tiền nhiều lần.

Ông M bà S cho rằng ông bà chưa trả tiền cho ông H vì ông H làm 05 bộ cửa sổ cho ông bà không có khung bao theo hợp đồng là ông H phải làm khung bao chữ C giống như khung bao cửa chính và kính cửa sổ phải là kính cường lực như cửa chính chứ không phải kính bông, phía nguyên đơn ông H không thừa nhận có sự thỏa thuận này, ông H xác định giữa ông với ông M bà S không thỏa thuận về việc cửa sổ phải làm khung bao chữ C, không thỏa thuận kính cường lực 05 bộ cửa sổ mà hai bên chỉ thỏa thuận cửa sổ là kiểu cửa lùa. Trong quá trình giải quyết vụ án bà S còn cho rằng bà có trao đổi với ông H thì ông H nói là: bây giờ nếu mà chịu 1.700.000đ/m² thì đo để tính toán phần không có khung bao, còn không vẫn tính đủ 1.7000.000đ/m² có khung bao, tuy nhiên ông H không thừa nhận có sự việc này. Xét thấy, căn cứ giấy viết tay nguyên đơn ông H giao nộp cho Tòa án có nội dung “*chị Sáu làm cửa... cửa sổ lùa cả 05 cái...*” (bút lục 04), có xác nhận của bà S; ngoài ra, trong quá trình thụ lý vụ án ông M cung cấp người làm chứng ông Phạm Văn Thủy là thợ xây nhà cho ông M bà S, người làm chứng ông Thủy khai “*05 bộ cửa sổ có khung bao, ...kiểu cửa lùa*” (bút lục 18). Như vậy, có căn cứ xác định ông H thực hiện đúng như thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên về việc làm 05 bộ cửa sổ là có khung bao kiểu cửa lùa chứ không phải khung bao kiểu chữ C như ông M bà S trình bày và trong hợp đồng cũng không thể hiện kính cửa sổ là kính cường lực.

Ông M bà S còn cho rằng ông H lắp kính 05 bộ cửa sổ kém chất lượng nên bị nứt hết, ông M còn cung cấp người làm chứng thợ xây ông Phạm Văn Thủy và người hàng xóm ông Nguyễn Mộng Trường Sinh biết sự việc này. Tuy nhiên, tại biên bản lời khai ông Thủy khai “*...khoảng tháng 12 năm 2022 tôi đi tân gia nhà ông M bà S...tôi không để ý nên không biết kính cửa sổ bị nứt vỡ gì hay không, tôi không biết gì về việc này*” (bút lục 19). Ông Sinh khai “*ông nghe bà S nói kính cửa trước và cửa sổ không cùng loại kính ...ngày 22/7/2024 ông M nhờ tôi qua xem cửa, ngoài ra tôi không biết gì hết*” (bút lục 21). Như vậy, ông Thủy không biết sự việc kính cửa sổ bị nứt, còn ông Sinh đến ngày 22/7/2024 tức là sau hơn 01 năm khi ông H làm xong cửa cho bà S thì ông M chồng bà S mới nhờ ông Sinh sang nhà xem cửa. Ông M bà S không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên nhân kính bị nứt do ông H, ông bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì về việc thỏa thuận lại với ông H về việc này. Trong quá trình giải quyết vụ án ông M bà S còn cho rằng ông H hàn cửa làm cháy tường nhà ông bà, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông bà thực hiện việc thẩm định và nộp đơn phản tố, đơn yêu cầu

độc lập nhưng ông M bà S không thực hiện, do đó hội đồng xét xử không xem xét. Từ những phân tích trên trình bày của ông M bà S là không có cơ sở không được chấp nhận.

Do đó, xác định được ông H đã thực hiện xong tất cả các công việc theo thỏa thuận hai bên cho ông M bà S, khi ông H làm xong tất cả các cửa, bao gồm cả 05 bộ cửa sổ và kính cho ông M bà S, kính không bị nứt vỡ gì, phía ông M bà S cũng không có ý kiến gì đối với ông H, khi ông H hoàn thành công việc của mình là làm xong cửa cho ông M bà S thì bà S còn trả tiền cho ông H được số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại 27.800.000đ ông M bà S còn hẹn khi tân gia nhà xong trả hết tiền cho ông H, nhưng tân gia nhà xong vào tháng 12 năm 2022 (âm lịch) ông M bà S vẫn không trả tiền cho ông H theo thỏa thuận. Việc ông M bà S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông H là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông H, do đó ông H khởi kiện yêu cầu buộc bà S ông M phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông H số tiền 27.800.000đ là có căn cứ được chấp nhận.

Đối với bà Trần Thị H1 vợ ông Lữ Văn H, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà H1 khai số tiền bà S ông M làm cửa sắt nợ ông H là tiền riêng của ông H, không liên quan đến bà, bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không tranh chấp gì, không yêu cầu gì, không liên quan trong vụ án. Do đó, xác định bà Hiền không tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Quan điểm đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn bà S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M phải liên đới nộp 1.390.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông M thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn nộp tiền án phí cho ông M. Như vậy, cần buộc bà S phải nộp 695.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 542, 543, 544, 547 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lữ Văn H.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn M phải liên đới trả cho ông Lữ Văn H số tiền 27.800.000đ (hai mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị S phải nộp 695.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Văn M.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lữ Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ theo Biên lai thu tiền số 0009281 ngày 02/7/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

